

Ngày 26 tháng 01 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
<b>Hôm trước chuyển sang</b>					0
<b>Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày</b>			20,201.61	744	15,030,000
<b>Được chi trong ngày</b>					15,030,000
<b>Đã chi trong ngày</b>					15,030,000
<b>1. Dịch vụ</b>					<b>1,499,400</b>
1	Dịch vụ thu		0	387	0
2	Dịch vụ thu		4,200	357	1,499,400
3			0	357	0
<b>2. Kho</b>					<b>2,848,000</b>
<b>    Ăn sáng</b>					<b>276,000</b>
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	12	276,000
<b>    Ăn chính</b>					<b>2,572,000</b>
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	33	759,000
2	Sữa Meta Care Kinder	Kg	259,000	7	1,813,000
<b>3. Đi chợ</b>					<b>10,682,600</b>
<b>    Ăn sáng</b>					<b>3,579,600</b>
1	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.5	120,000
2	Súp lơ (bông cải)	Kg	80,000	8	640,000
3	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
4	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.5	75,000
5	Đường cát	Kg	30,000	1.5	45,000
6	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.1	27,500
7	Dầu cá RaneeKids	Chai	68,000	1	68,000
8	Muối iốt	Gói	4,000	1.02	4,100
9	Ngò rí	Kg	50,000	1	50,000
10	Hành lá	Kg	50,000	1.2	60,000
11	Thịt bò xay	Kg	260,000	9	2,340,000
<b>    Ăn chính</b>					<b>7,103,000</b>
1	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	5	125,000
2	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.3	104,000
3	Hành tây	Kg	20,000	3.4	68,000
4	Tỏi	Chai	150,000	0.8	120,000
5	Dầu thực vật	Kg	50,000	1.5	75,000
6	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đ	Chai	130,000	13.1	1,703,000
7	Thịt gà ta	Chai	90,000	9.5	855,000
8	Tôm biển	Gói	210,000	10	2,100,000
9	Đường cát	Kg	30,000	1.9	57,000
10	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	1.4	35,000
11	Gừng tươi	Kg	40,000	0.7	28,000
12	Muối iốt	Gói	4,000	1.88	7,500
13	Đường phèn	Kg	35,000	1.3	45,500
14	Ngò rí	Kg	50,000	1.4	70,000
15	Xương Heo	Kg	120,000	3	360,000
16	Miến dong	Gói	35,000	14	490,000
17	Hành lá	Kg	50,000	1.4	70,000
18	Đu Đủ lõi vàng	Kg	20,000	17	340,000
19	Me Khô	Kg	20,000	3	60,000
20	Sơ ri	Kg	30,000	13	390,000

Chi kho lũy kế từ đầu tháng				44,473,424
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				177,263,376
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			12,190	
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				246,290,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng				246,290,000
Chênh lệch cuối ngày				

Kê toán



Phạm Thị Nga

Phó hiệu trưởng




Phạm Thị Hồng Huế